

Bản án số: 10/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 21/ 3/2019

V/v Tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGUYỄN BÌNH - CAO BẰNG**

***Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:***

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngôn Ngọc Viên.

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Đoàn Tụ
2. Bà Hoàng Thị Tuyết

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Văn Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện  
Nguyễn Bình

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện:*** Không tham gia phiên tòa

Ngày 21 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nguyễn Bình, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2018/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2018 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐXX - HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Tổ 3, thị trấn T, huyện N, Cao Bằng. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Vũ Văn S, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Tổ 3, thị trấn T, huyện N, Cao Bằng. Vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/11/2018, bản tự khai ngày 19/12/2018 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Hoàng Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị T kết hôn với ông Vũ Văn S từ năm 1984 hôn nhân được tìm hiểu, trên cơ sở tự nguyện, không có đăng ký kết hôn, sau khi kết hôn tình cảm vợ chồng cũng đã có một khoảng thời gian chung sống hạnh phúc, cho đến khi sinh con, do hoàn cảnh gia đình khó khăn bà thường phải đi làm thêm nên hay về muộn, việc chăm sóc nuôi dạy con cái phải nhờ cậy bố mẹ để giúp đỡ dẫn đến tình cảm cuộc sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, đã có lần ông S đem đồ đạc tư trang cá nhân của bà về trả về nhà bố mẹ đẻ của bà và ông S đã làm đơn yêu cầu ly hôn, nhưng nghĩ vì các con sau khi được hai bên gia đình hòa giải bà và ông S tiếp tục trở lại đoàn tụ chung sống vợ chồng mặc dù trong cuộc sống tình cảm vợ chồng không mấy hòa thuận, bà vẫn cố gắng nhẫn nhịn để duy trì cuộc sống gia đình, cùng nuôi dưỡng chăm sóc các con đến tuổi trưởng thành và đã xây dựng gia đình. Mặc dù sống chung nhưng ông bà đã ly thân từ năm 2007. Đến năm 2014 tình cảm vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, lý do bà cho rằng ông S có quan hệ tình cảm với người khác nên về nhà thường hay gây sự, chửi mắng, thậm chí bạo hành với bà nhiều lần, nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng mâu thuẫn quá trầm trọng, không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, bà yêu cầu được ly hôn với ông S.

- Về con chung: Có 02 con chung:

1. Vũ Tùng L; sinh ngày 05/3/1988

2. Vũ Thảo G; sinh ngày 13/4/1994

Cả 02 con đều đã trưởng thành (trên 18 tuổi), xây dựng gia đình, không đặt vấn đề yêu cầu Tòa xem xét nuôi con.

- Về tài sản chung và các khoản nợ chung:

+ Tài sản chung tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa giải quyết

+ Các khoản nợ chung: Không có

Tại bản tự khai ngày 16/01/2019 bị đơn **ông Vũ Văn S trình bày :**

- Về phần thủ tục kết hôn tương tự như bà Hoàng Thị T trình bày, ông S và bà T yêu nhau được 03 năm thì kết hôn rồi ông đi bộ đội nên không làm thủ tục đăng kết hôn được. Sau khi tổ chức cưới xong tình cảm vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường, cùng nhau vun đắp xây dựng cuộc sống gia đình, cho tới năm

2014 do mãi làm ăn nên ít quan tâm đến vợ con, có lần bạn ông nhắn tin trêu đùa do bà T không hiểu, dẫn tới hiểu nhầm nên mới dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng và sống ly thân, cùng thời gian đó bà T xuống Hà Nội trông cháu, ông một mình ở nhà tự lo liệu quán xuyến mọi công việc gia đình, do thiếu lao động ông đã thuê người đến giúp việc, bà

T không đồng ý nên đã viết đơn yêu cầu ly hôn, ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T vì cả hai vợ chồng đều đã có tuổi, con cái đều đã trưởng thành và đều đã xây dựng gia đình, đã có cháu, mặt khác ông nhận thấy ông vẫn còn yêu thương vợ, ông hứa ông sẽ khắc phục sửa chữa và làm theo các yêu cầu của bà T để giữ gìn hạnh phúc, trở lại đoàn tụ gia đình.

- Về con chung: Ông S xác nhận cùng bà T có 02 con chung;

1. Vũ Tùng L; sinh ngày 05/3/1988

2. Vũ Thảo G; sinh ngày 13/4/1994

Cả 02 con đều đã lớn trưởng thành (trên 18 tuổi), đã xây dựng gia đình, do đó không yêu cầu xem xét việc nuôi con.

- Về tài sản chung: Đồng ý tự thỏa thuận theo yêu cầu của bà T

- Về các khoản nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bà Hoàng Thị T yêu cầu ly hôn đối với ông Vũ Văn S thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại các Điều 28, 35,

39 của Bộ luật tố tụng dân sự, ông Vũ Văn S đã có bản tự khai tự trình bày ý kiến của mình, tuy nhiên trong quá trình tố tụng Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông nhiều lần đến để tham gia phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông S đã không hợp tác, cố tình trốn tránh không đến nên Tòa không thể mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được. Mặt khác ông S đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa và đã được giao nhận Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng

vẫn cố tình vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227, Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Tòa án xét xử vắng ông Vũ Văn S.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị T và ông Vũ Văn S kết hôn từ năm 1984, kết hôn trên cơ sở tự nguyện không có đăng ký kết hôn, trường hợp chung sống như vợ chồng trước ngày 03/01/1987, không có đăng ký kết hôn đã được công nhận là hôn nhân hợp pháp từ thời điểm chung sống theo Nghị quyết số 35/2000/QH10. Từ sau khi ban hành Nghị quyết, việc chung sống của bà T với ông S vẫn tiếp tục do đó quan hệ hôn nhân của bà T, ông S vẫn là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Nay bà T có đơn yêu cầu ly hôn thì được thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn, theo hướng dẫn tại khoản 1 Thông tư liên tịch số 01/2001/ của TANDTC, VKSNDTC, BTP hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35 /2000/QH10 về thi hành luật HN-GĐ năm 2000.

Sau khi kết hôn tình cảm vợ chồng giữa bà T với ông S đã có một khoảng thời gian chung sống tương đối hạnh phúc, đến năm 2014 thì xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn theo bà T cho rằng ông S có quan hệ tình cảm với người khác về nhà thường hay gây sự chửi bới, bạo hành với bà , bà đã khuyên bảo ông S nhiều lần nhưng ông không tiếp thu sửa chữa, bà và ông S sống ly thân từ đó đến nay. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng mâu thuẫn quá trầm trọng không còn khả năng khắc phục, trước phiên tòa bà T vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn với ông Vũ Văn S.

Tại bản tự khai ông Vũ Văn S trình bày nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn tình cảm vợ chồng từ năm 2014 do ông mãi làm ăn ít quan tâm đến vợ con, mặt khác là do bạn của ông nhắn tin trêu đùa bà T đọc được tin nhắn và bà T cho rằng ông có quan hệ tình cảm với người khác nên mới dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng và sống ly thân từ đó. Cùng thời điểm đó bà T đi xuống Hà Nội trông cháu, do trong công việc làm ăn hàng ngày thiếu lao động ông phải thuê người đến giúp việc, bà T không đồng ý nên bà T mới làm đơn yêu cầu xin ly hôn, ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T vì các con đều đã lớn, đều đã trưởng thành xây dựng gia đình, ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T, ông yêu cầu được trở lại đoàn tụ vợ chồng.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà Hoàng Thị T và ông Vũ Văn S kết hôn từ năm 1984, hôn nhân được tìm hiểu, tự nguyện, không có đăng ký kết hôn sau khi kết hôn tình cảm vợ chồng cũng đã có khoảng thời gian hạnh phúc, đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông S có quan hệ tình cảm với người khác, thường xuyên hay gây sự chửi bới bạo hành với bà T, bà T với ông S đã sống ly thân một thời gian dài mà vẫn không có biện pháp để khắc phục hàn gắn cuộc sống vợ chồng, cả 2 ông bà không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà T với ông S đã đến mức trầm trọng, vi phạm nghĩa vụ vợ chồng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T xin ly hôn ông Vũ Văn S.

[3] Về con chung: Bà Hoàng Thị T và ông Vũ Văn S cùng xác nhận có 02 con chung là Vũ Tùng L; sinh ngày 05/3/1988 và Vũ Thảo G sinh ngày 13/4/1994. Cả 2 con đều đã trưởng thành và đều đã xây dựng gia đình, nên HĐXX không đặt vấn đề xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không có không yêu cầu Tòa án giải quyết. HĐXX không đặt vấn đề xem xét.

[5] Về án phí: Bà Hoàng Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nguyên Bình, Cao Bằng. Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Vì các lẽ trên**

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào các điều: 28, 35, 39, 147, Điều 227, của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 51, Điều 53, Điều 54 Điều 56 và Điều 57, Luật hôn nhân và gia đình; Áp dụng Nghị Quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 và Thông tư liên tịch số 01/2001/ TANDTC, VKSNDTC, BTP ngày 03/01/2001.

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Hoàng Thị T được ly hôn với ông Vũ Văn S.
2. Về con chung: Điều đã trưởng thành (trên 18 tuổi) và đã lập gia đình.
3. Về tài sản chung và các khoản nợ chung: Không có
4. Về án phí: Bà Hoàng Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà đã nộp 300.000.đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2016/0001222 ngày 19/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nguyên Bình, Cao Bằng.
5. Về quyền kháng cáo: Bà Hoàng Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Vũ Văn S có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKS ND huyện;
- Chi cục THA Dân sự huyện;
- Các đương sự;
- .....
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Ngôn Ngọc Viên**